

Phụ lục: DANH MỤC 14 CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC
(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)



T T	Tên công trình, dự án	Cơ quan, đơn vị đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng	Tổng diện tích thực hiện (m ²)	Diện tích có rừng trồng chuyên mục đích sử dụng	Quy hoạch 3 loại rừng hiện hành (Quyết định số 3581/QĐ- UBND ngày 16/12/2022 và Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh)			Diện tích rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương CMĐSDR của Thủ tướng Chính phủ	Diện tích rừng ngoài quy 3 loại rừng (Quyết định số 4534/QĐ- UBND ngày 25/12/2018; số 2410/QĐ- UBND ngày 03/9/2014)	Diện tích có rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp không CMĐSDR	Diện tích không có rừng	Vị trí trên bản đồ quy hoạch 3 loại rừng; đơn vị hành chính
					Rừng thuộc quy hoạch phòng hộ	Rừng thuộc quy hoạch sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch					
					Diện tích, loại rừng (m ²)							
Tổng cộng			579.972,6	276.286,6		84.754,0	191.532,6			6.301,3	297.384,7	
1	Dự án Trang trại trồng cây xanh sinh thái xen canh vùng nguyên liệu	Công ty TNHH Thương mại Lê Dũng Linh	77.795,1	67.377,3			67.377,3				10.417,8	Khoảnh 1 - NTK, xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch
2	Dự án Khai thác mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường	Công ty TNHH Trần Quế Chi	34.730,0	25.964,1			25.964,1				8.765,9	Khoảnh 1- Tiểu khu 201A, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn
3	Dự án Nâng cao khả năng mang tải đường dây 110kV TBA 110kV Đồng Hới - Lệ Thủy	Tổng công ty Điện lực Miền Trung	6.574,5	167,0		127,7	39,3				6.407,5	Các huyện Quảng Ninh, Lệ Thủy và thành phố Đồng Hới
4	Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 8, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Cần Thơ	203.627,6	11.146,2			11.146,2			439,1	192.042,3	Khoảnh 1 - Tiểu khu 359 và khoảnh 2 - Tiểu khu 360, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới





T T	Tên công trình, dự án	Cơ quan, đơn vị đề nghị chuyên mục đích sử dụng rừng	Tổng diện tích thực hiện (m ²)	Diện tích có rừng trồng chuyên mục đích sử dụng	Diện tích, loại rừng (m ²)							Vị trí trên bản đồ quy hoạch 3 loại rừng; đơn vị hành chính
					Quy hoạch 3 loại rừng hiện hành (Quyết định số 3581/QĐ- UBND ngày 16/12/2022 và Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh)			Diện tích rừng phòng hộ thuộc quyết định chủ trương CMĐSDR của Thủ tướng Chính phủ	Diện tích rừng ngoài quy 3 loại rừng (Quyết định số 4534/QĐ- UBND ngày 25/12/2018; số 2410/QĐ- UBND ngày 03/9/2014)	Diện tích có rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp không CMĐSDR	Diện tích không có rừng	
					Rừng thuộc quy hoạch phòng hộ	Rừng thuộc quy hoạch sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch					
5	Khu tái định cư và khu dân cư thôn Áng Sơn, xã Vạn Ninh (Phục vụ GPMB dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	UBND huyện Quảng Ninh	12.259,5	6.788,6			6.788,6				5.470,9	Khoảnh 1 - Tiểu khu 386B, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh
6	Xây dựng đường liên xã Dinh Mười đi Tân Định	UBND huyện Quảng Ninh	23.175,1	15.278,3		2.423,9	12.854,4				7.896,8	Khoảnh 2 - Tiểu khu 368, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh
7	Nâng cấp đường từ phía Nam nhà văn hóa thôn Dinh Mười đi đường tránh lũ	BQL Dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Quảng Ninh	15.164,4	7.491,5		574,6	6.916,9				7.672,9	Các khoảnh 1, 3 - Tiểu khu 368 và khoảnh 1 - NTK, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh
8	Trung tâm nông nghiệp sinh thái công nghệ cao Phú Cát	Công ty TNHH TM Hiếu Hằng	38.999,2	37.480,3		36.511,0	969,3				1.518,9	Khoảnh 1 - NTK, xã Võ Ninh, huyện Quảng Ninh,

T T	Tên công trình, dự án	Cơ quan, đơn vị đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng	Tổng diện tích thực hiện (m ²)	Diện tích, loại rừng (m ²)							Vị trí trên bản đồ quy hoạch 3 loại rừng; đơn vị hành chính	
				Diện tích có rừng trồng chuyển mục đích sử dụng	Quy hoạch 3 loại rừng hiện hành (Quyết định số 3581/QĐ- UBND ngày 16/12/2022 và Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh)			Diện tích rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương CMĐSDR của Thủ tướng Chính phủ	Diện tích rừng ngoài quy 3 loại rừng (Quyết định số 4534/QĐ- UBND ngày 25/12/2018; số 2410/QĐ- UBND ngày 03/9/2014)	Diện tích có rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp không CMĐSDR		Diện tích không có rừng
					Rừng thuộc quy hoạch phòng hộ	Rừng thuộc quy hoạch sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch					
9	Cải tạo bình diện vị trí số 4: Từ Km489+600 đến Km490+400 (lý trình Đường sắt) thuộc dự án Cải tạo, nâng cấp đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh	Ban quản lý dự án Đường sắt thuộc Tổng Công ty đường sắt	23.937,2	14.512,7		3.282,9	11.229,8			9.424,5	Các khoảnh 3, 4 - Tiểu khu 230, xã Liên Trạch, huyện Bồ Trạch	
10	Khai thác mỏ đá cát kết làm vật liệu xây dựng thông thường và đất làm vật liệu san lấp tại xã Hải Phú, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình	Công ty TNHH Tuấn Hà QB	38.057,8	9.518,0		9.518,0				28.539,8	Các khoảnh 9, 15 - Tiểu khu 228C, xã Hải Phú, huyện Bồ Trạch	
11	Công trình Xây dựng HTKT Khu tái định cư xã Trường Thủy phục vụ công tác GPMB dự án Xây dựng	Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy	33.050,8	26.976,3			26.976,3		5.862,2	212,3	Khoảnh 1 - NTK, xã Trường Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	

T T	Tên công trình, dự án	Cơ quan, đơn vị đề nghị chuyên mục đích sử dụng rừng	Tổng diện tích thực hiện (m ²)	Diện tích, loại rừng (m ²)							Vị trí trên bản đồ quy hoạch 3 loại rừng; đơn vị hành chính	
				Diện tích có rừng trồng chuyên mục đích sử dụng	Quy hoạch 3 loại rừng hiện hành (Quyết định số 3581/QĐ- UBND ngày 16/12/2022 và Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh)			Diện tích rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương CMĐSDR của Thủ tướng Chính phủ	Diện tích rừng ngoài quy 3 loại rừng (Quyết định số 4534/QĐ- UBND ngày 25/12/2018; số 2410/QĐ- UBND ngày 03/9/2014)	Diện tích có rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp không CMĐSDR		Diện tích không có rừng
					Rừng thuộc quy hoạch phòng hộ	Rừng thuộc quy hoạch sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch					
	công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021- 2025 (đoạn qua địa bản huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình)											
12	Công trình Hạ tầng kỹ thuật di dời lăng mộ xã Sơn Thủy phục vụ công tác GPMB dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn qua địa bản huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình)	Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy	20.876,0	20.876,0			20.876,0					Khoảnh 1 - NTK, xã Sơn Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

T T	Tên công trình, dự án	Cơ quan, đơn vị đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng	Tổng diện tích thực hiện (m ²)	Diện tích có rừng trồng chuyển mục đích sử dụng	Quy hoạch 3 loại rừng hiện hành (Quyết định số 3581/QĐ- UBND ngày 16/12/2022 và Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh)			Diện tích rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương CMĐSDR của Thủ tướng Chính phủ	Diện tích rừng ngoài quy 3 loại rừng (Quyết định số 4534/QĐ- UBND ngày 25/12/2018; số 2410/QĐ- UBND ngày 03/9/2014)	Diện tích có rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp không CMĐSDR	Diện tích không có rừng	Vị trí trên bản đồ quy hoạch 3 loại rừng; đơn vị hành chính
					Rừng thuộc quy hoạch phòng hộ	Rừng thuộc quy hoạch sản xuất	Rừng ngoài quy hoạch					
					Diện tích, loại rừng (m ²)							
13	Công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư xã Kim Thủy phục vụ công tác GPMB dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn qua địa bàn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình)	Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy	9.658,0	9.658,0		9.584,0	74,0					Khoảnh 2 - Tiểu khu 498B, xã Kim Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
14	Dự án Đường giao liên trong khu căn cứ hậu phương tỉnh Quảng Bình	Bộ Chi huy quân sự tỉnh Quảng Bình	42.067,4	23.052,3		22.731,9	320,4				19.015,1	Khoảnh 1 - Tiểu khu 262B, các Khoảnh 16C, 16D - Tiểu khu 274 xã Phú Định và Khoảnh 1 - NTK (Ngoài giải thửa tiểu khu), thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch